



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 2 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

Các Công ty con

- Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng
- Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

Các Đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP.Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 230 người. Trong đó, nhân viên quản lý 26 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Lê Kế Đức | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Ông Huỳnh Bá Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009 |
| • Bà Trần Thị Quỳnh Châu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/04/2009 |
| • Bà Phạm Nhật Quyên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/04/2009 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Lê Kế Đức | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Từ Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.629.395.643	75.559.012.632
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.250.021.818	9.740.082.967
1. Tiền	111		4.795.170.800	1.786.479.625
2. Các khoản tương đương tiền	112		454.851.018	7.953.603.342
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	400.000.000	400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.140.021.903	33.269.871.849
1. Phải thu khách hàng	131		25.891.967.991	32.926.786.727
2. Trả trước cho người bán	132		1.183.943.717	396.657.648
3. Các khoản phải thu khác	135	7	249.615.781	108.677.060
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(185.505.586)	(162.249.586)
IV. Hàng tồn kho	140		48.363.800.360	31.598.409.942
1. Hàng tồn kho	141	9	48.928.331.878	31.741.506.827
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(564.531.518)	(143.096.885)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.475.551.562	550.647.874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	267.462.143	483.460.839
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		853.078.542	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	7.749.945	29.187.035
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	347.260.932	38.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.699.065.579	40.379.446.991
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.193.593.074	22.418.629.553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	13.031.255.603	13.177.846.489
- Nguyên giá	222		21.922.962.127	21.527.249.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.891.706.524)	(8.349.403.297)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		167.790.500	167.790.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.790.500)	(167.790.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	11.162.337.471	9.240.783.064
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.123.000.000	5.123.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	4.530.000.000	4.530.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	593.000.000	593.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.382.472.505	12.837.817.438
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	13.382.472.505	12.837.817.438
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		125.328.461.222	115.938.459.623

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.157.419.470	36.387.731.276
I. Nợ ngắn hạn	310		43.029.114.093	36.201.483.372
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	19	11.218.569.922	4.183.000.000
2 Phải trả người bán	312		27.761.484.145	15.091.816.516
3 Người mua trả tiền trước	313		1.002.124.993	248.104.644
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	292.239.216	1.750.845.030
5 Phải trả người lao động	315		889.747.013	4.801.871.205
6 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	1.864.948.804	8.915.607.880
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	1.210.238.097
II. Nợ dài hạn	330		128.305.377	186.247.904
1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		128.305.377	102.429.722
2 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	83.818.182
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.171.041.752	79.550.728.347
I. Vốn chủ sở hữu	410		82.171.041.752	79.550.728.347
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	56.655.300.000	56.655.300.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		12.325.320.000	12.325.320.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413	22	1.837.648.707	1.837.648.707
4 Cổ phiếu quỹ	414		(3.275.267.777)	(3.275.267.777)
5 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		35.898.421	6.823.062
6 Quỹ đầu tư phát triển	417	22	10.610.416.535	10.610.416.535
7 Quỹ dự phòng tài chính	418	22	1.375.716.000	1.375.716.000
8 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	2.606.009.866	14.771.820
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		125.328.461.222	115.938.459.623

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2011 Ngoại tệ	31/12/2010 Ngoại tệ
1 Tài sản thuê ngoài	-	-
2 Ngoại tệ các loại (USD)	22.732,69	22.364,57

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên
quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	23	82.253.682.569	75.314.038.519
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	415.850.158	210.688.146
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	23	81.837.832.411	75.103.350.373
4. Giá vốn hàng bán	11	24	67.128.549.247	63.219.055.933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		14.709.283.164	11.884.294.440
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	321.806.535	384.922.821
7. Chi phí tài chính	22	26	863.561.812	442.133.750
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	632.260.953	235.889.802
8. Chi phí bán hàng	24		5.334.132.631	4.657.711.663
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.817.673.947	4.924.569.183
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.015.721.309	2.244.802.665
11. Thu nhập khác	31	27	85.666.185	96.002.810
12. Chi phí khác	32	28	145.744.560	4.258.541
13. Lợi nhuận khác	40		(60.078.375)	91.744.269
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	2.955.642.934	2.336.546.934
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	364.404.888	293.796.303
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	2.591.238.046	2.042.750.631
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	482	380

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2011

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên
quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2011	2010
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	91.328.401.625	90.411.926.658
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(80.004.590.357)	(66.635.460.894)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.158.427.263)	(8.466.657.796)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(632.260.953)	(235.889.802)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.351.533.616)	(234.929.692)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.237.191.400	1.760.518.691
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.451.190.044)	(7.536.975.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.032.409.208)	9.062.531.263
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(2.286.015.888)	(597.349.600)
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(200.000.000)
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(140.000.000)
4 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.000.000.000
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	422.493.230	350.761.848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.863.522.658)	413.412.248
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.324.226.789	3.127.000.000
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.288.656.867)	(5.860.512.973)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.667.406.068)	(6.457.236.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	368.163.854	(9.190.748.973)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.527.768.012)	285.194.538
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.740.082.967	9.743.693.770
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	37.706.863	1.258.300
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.250.021.818	10.030.146.608

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huyền Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để tất toán số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đất đi thuê).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ✚ Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - ✚ Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
Công ty được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính. Theo đó, công ty được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm (Năm 2011 - 2012).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011		31/12/2010	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt		512.118.465		342.545.983
Tiền gửi ngân hàng		4.283.052.335		1.443.933.642
+ VND		4.269.200.750		1.431.228.945
+ USD	671,82 #	13.851.585	671,07 #	12.704.697
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		454.851.018		7.953.603.342
+ VND		-		7.542.902.000
+ USD	22.060,87 #	454.851.018	21.693,5 #	410.701.342
Cộng		5.250.021.818		9.740.082.967

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn (Công ty TNHH MTV In Chuyên dùng)	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng (Cổ tức)	-	107.074.220
Quỹ khen thưởng chi vượt	248.406.291	-
Phải thu khác	1.209.490	1.602.840
Cộng	249.615.781	108.677.060

8. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	174.933.100	151.677.100
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	10.572.486	10.572.486
Cộng	185.505.586	162.249.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.345.577.915	6.615.145.708
Công cụ, dụng cụ	10.088.444	11.049.438
Chi phí SX, KD dở dang	3.243.558.882	250.952.627
Thành phẩm	14.858.947.725	8.475.339.323
Hàng hóa	24.470.158.912	16.389.019.731
Cộng	48.928.331.878	31.741.506.827

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	230.014.348	354.290.714
Chi phí trả trước khác	37.447.795	129.170.125
Cộng	267.462.143	483.460.839

11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập cá nhân	7.749.945	29.187.035
Cộng	7.749.945	29.187.035

12. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	147.328.688	38.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	199.932.244	-
Cộng	347.260.932	38.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.233.705.428	3.261.441.820	2.293.653.421	738.449.117	21.527.249.786
Mua sắm trong kỳ		20.800.000	244.331.955	24.604.196	289.736.151
Đ/tr XDCB h/thành	105.976.190				105.976.190
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối năm	15.339.681.618	3.282.241.820	2.537.985.376	763.053.313	21.922.962.127
Khấu hao					
Số đầu năm	4.331.049.639	1.725.096.297	1.675.315.611	617.941.750	8.349.403.297
Khấu hao trong kỳ	216.881.441	213.299.408	80.588.555	31.533.823	542.303.227
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4.547.931.080	1.938.395.705	1.755.904.166	649.475.573	8.891.706.524
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.902.655.789	1.536.345.523	618.337.810	120.507.367	13.177.846.489
Số cuối kỳ	10.791.750.538	1.343.846.115	782.081.210	113.577.740	13.031.255.603

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là: 2.431.948.366 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán với nguyên giá: 167.790.500 đồng và đã khấu hao hết.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công trình nhà xưởng tại Khu công nghiệp Sóng Thần	9.564.774.719	7.701.346.662
Cải tạo nhà 223 Nguyễn Tri Phương	1.597.562.752	1.539.436.402
Cộng	11.162.337.471	9.240.783.064

16. Đầu tư vào công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

		30/06/2011		31/12/2010	
		Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng (100% VDL)	(a)	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Giáo dục An Đông (51% VDL)	(b)	153.000	1.530.000.000	-	1.530.000.000
Cộng			4.530.000.000		4.530.000.000

(a) Đây là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng là 3.000.000.000 đồng.

(b) Đây là khoản là khoản vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông là 3.000.000.000 đồng.

17. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty CP sách Giáo dục Tây Ninh	1.000	103.000.000	1.000	103.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Gia Định	49.000	490.000.000	49.000	490.000.000
Cộng		593.000.000		593.000.000

Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 của các đơn vị mà Công ty đã đầu tư vốn cũng như các quyết định chia cổ tức chính thức của 6 tháng đầu năm 2011 cho các khoản vốn đã đầu tư. Do các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối kỳ. Ban Tổng giám đốc Công ty cũng đánh giá rằng giá trị ghi nhận các khoản đầu tư này là hợp lý. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

18. Chi phí trả trước dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	112.041.668	155.596.214
Sửa chữa nhà xưởng Tân tạo	120.068.708	200.114.522
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	1.852.435.305	843.827.451
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	708.253.895	899.453.981
Sửa chữa nhà 780 Nguyễn Kiệm	-	22.727.271
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	34.570.901	41.978.951
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (a)	8.618.875.191	8.713.588.107
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Tân tạo (b)	1.936.226.837	1.960.530.941
Cộng	<u>13.382.472.505</u>	<u>12.837.817.438</u>

(a): Thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng Thần Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

(b): Thuê 2.575 m² đất ở KCN Tân Tạo Thành Phố HCM với thời hạn thuê từ ngày 20/03/2001 đến 31/12/2047.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	11.218.569.922	4.183.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	7.360.569.922	-
- Vay cán bộ công nhân viên	3.858.000.000	4.183.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>11.218.569.922</u>	<u>4.183.000.000</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	449.125.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp	285.767.120	1.272.895.848
Thuế thu nhập cá nhân	6.472.096	28.823.499
Cộng	<u>292.239.216</u>	<u>1.750.845.030</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	191.235.793	-
Kinh phí công đoàn	145.742.913	239.082.287
Phải trả về cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	327.932.932	6.995.339.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	476.266.166	957.415.593
- Hoa hồng phải trả	6.976	372.598.978
- Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	105.200.000	273.200.000
- Phải trả cán bộ công nhân viên (thuế TNCN tạm thu)	200.814.397	-
- Phải trả khác	170.244.793	311.616.615
Cộng	1.864.948.804	8.915.607.880

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	56.655.300.000	1.404.427.951	9.287.115.316	942.495.244	511.799.473
Tăng trong năm	-	433.220.756	1.323.301.219	433.220.756	9.987.716.348
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.484.744.001
Số dư tại 31/12/2010	56.655.300.000	1.837.648.707	10.610.416.535	1.375.716.000	14.771.820
Số dư tại 01/01/2011	56.655.300.000	1.837.648.707	10.610.416.535	1.375.716.000	14.771.820
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.591.238.046
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2011	56.655.300.000	1.837.648.707	10.610.416.535	1.375.716.000	2.606.009.866

Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ Công ty.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục	29.767.680.000	29.767.680.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.042.620.000	24.042.620.000
Giá trị của cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	2.845.000.000	2.845.000.000
Cộng	56.655.300.000	56.655.300.000

c. Cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu quỹ	284.500	284.500
- Cổ phiếu thường	284.500	284.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu thường	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	14.771.820	511.799.473
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.591.238.046	9.987.716.348
Phân phối lợi nhuận	-	10.484.744.001
- Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung quỹ đầu tư phát triển	-	1.323.301.219
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	433.220.756
- Trích quỹ dự trữ	-	433.220.756
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	866.441.514
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	433.220.756
- Chia cổ tức	-	6.995.339.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.606.009.866	14.771.820

23. Doanh thu

	6 tháng đầu	6 tháng đầu
	năm 2011	năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu	82.253.682.569	75.314.038.519
+ Doanh thu bán sách và sản phẩm in	50.113.511.425	43.739.728.761
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	31.854.189.323	31.345.841.470
+ Doanh thu khác	285.981.821	228.468.288
Các khoản giảm trừ doanh thu	415.850.158	210.688.146
+ Hàng bán bị trả lại	415.850.158	210.688.146
+ Giảm khác (Điều chỉnh thuế suất)	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.837.832.411	75.103.350.373

24. Giá vốn hàng bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	42.977.635.085	38.526.975.925
Giá vốn thiết bị giáo dục	23.622.755.863	24.648.435.120
Giá vốn khác	106.723.666	43.644.888
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	421.434.633	-
Cộng	<u>67.128.549.247</u>	<u>63.219.055.933</u>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	293.611.010	300.237.571
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.808.000	50.524.277
Chiết khấu thanh toán nhanh nhận được	6.387.525	34.160.973
Cộng	<u>321.806.535</u>	<u>384.922.821</u>

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lãi tiền vay	632.260.953	235.889.802
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	231.300.859	185.486.859
Chi phí tài chính khác	-	20.757.089
Cộng	<u>863.561.812</u>	<u>442.133.750</u>

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	260.312	-
Bán thanh lý vật tư, phế liệu	65.567.544	-
Vận chuyển sách pokemon, an toàn giao thông	-	21.818.181
Thu nhập khác	19.838.329	74.184.629
Cộng	<u>85.666.185</u>	<u>96.002.810</u>

28. Chi phí khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Xuất vật tư thanh lý	145.723.239	-
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	-	4.255.604
Chi phí khác	21.321	2.937
Cộng	145.744.560	4.258.541

29. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế TNDN

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.955.642.934	2.336.546.934
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	2.033.360.841	2.272.199.165
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	814.807.908	-
- Hoạt động khác không được ưu đãi	107.474.185	64.347.769
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	36.891.570	(50.524.277)
Điều chỉnh tăng	58.699.570	-
- Chi phí không hợp lệ	58.699.570	-
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	-
Điều chỉnh giảm	21.808.000	50.524.277
Cổ tức lợi nhuận được chia	21.808.000	50.524.277
Tổng thu nhập chịu thuế	2.992.534.504	2.286.022.657
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	2.092.060.411	2.221.674.888
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	814.807.908	-
- Hoạt động khác không được ưu đãi	85.666.185	64.347.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	625.912.440	571.505.664
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi (25%)	523.015.103	555.418.722
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	81.480.791	-
- Hoạt động khác không được ưu đãi (25%)	21.416.546	16.086.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (Thuế TNDN được giảm 50% theo ưu đãi đầu tư)	261.507.551	277.709.361
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	364.404.888	293.796.303
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.591.238.046	2.042.750.631

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.591.238.046	2.042.750.631
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.591.238.046	2.042.750.631
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.381.030	5.381.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	482	380

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Chung nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Học Liệu	Chung nhà đầu tư
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Công ty con
Công ty CP Giáo dục An Đông	Công ty con

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán gồm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Thiết bị, đĩa, ấn phẩm	402.172.401
Công ty Cổ phần Học Liệu	Mua thiết bị	16.297.887
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Mua thiết bị	653.143
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Mua sách, đĩa, thiết bị	33.886.201
Công ty CP Giáo dục An Đông	Mua sách, thiết bị	65.701.128
Mua hàng		
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Bán xe	203.734.000
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa	29.069.809.778
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Cung ứng sách tham khảo	313.696.526
Công ty Cổ phần Học Liệu	Cung ứng băng đĩa giáo dục	58.440.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng thiết bị giáo dục	4.523.886
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo, văn hoá phẩm	14.857.468.895
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Cung ứng in ấn, bao thư	1.742.722.144

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Thu lãi cho vay vốn và thu phí quản lý		
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Lãi cho vay	30.000.000
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Thu phí quản lý cấp trên	110.000.000

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán 30/06/2011 các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Công ty CP Giáo dục An Đông	Phải thu khách hàng	57.887.100	
Công ty Cổ phần Học Liệu	Phải thu khách hàng	87.638.671	
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	401.207.112	
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải trả người bán		9.691.298.495
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Phải trả người bán		458.458.003
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Phải trả người bán		10.965.786.277
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Phải trả người bán		667.546.701
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Nợ gốc vay	400.000.000	

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 8 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1005/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT SÉT

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 4/8/2011 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 24. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. Tổng giám đốc

Nguyễn Trọng Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Nở

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV